

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ QUYỂN 2

Chương 1: TẠP UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ ÁI KÍNH

*Ái kính-cúng dường-lực và diệt,
Niết-bàn-năm uẩn và cứu cánh,
Thủ-biết tất cả-ba quy y,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Thế nào là ái?

Đáp: Các ái-đẳng ái, hỷ, đẳng hỷ-lạc-đẳng lạc, đó gọi là ái.

Hỏi: Thế nào là kính?

Đáp: Có kính và có tánh kính, có tự tại và có tánh tự tại. Đối với người tự tại, có chuyển đổi sợ hãi đó gọi là kính.

Hỏi: Thế nào là ái kính?

Đáp: Như có một người đối với Phật-Pháp-Tăng, bậc Thân giáo-Quý phạm và người khác, tùy thuận một người có trí, tôn trọng người đồng phạm hạnh, với tâm vui vẻ yêu mến, cung kính mà trú. Nếu ở chỗ này có ái và kính, thì gọi là ái kính.

Hỏi: Thế nào là cúng dường?

Đáp: Sự cúng dường này có hai loại:

1. Cúng dường của cải.
2. Cúng dường pháp.

Hỏi: Thế nào là cung kính?

Đáp: Có cung kính và có tánh cung kính, có tự tại và có tánh tự tại. Đối với người tự tại, có chuyển đổi sợ hãi, đó gọi là cung kính.

Hỏi: Thế nào là cung kính cúng dường?

Đáp: Như có một người, đối với Phật-Pháp-Tăng, bậc Thân giáo-

Quý phạm và người khác, tùy thuộc một người có trí, tôn trọng người đồng phạm hạnh, thể hiện cúng dường cung kính, mà trú. Nếu ở chỗ này có cúng dường và cung kính, thì gọi là cung kính cúng dường.

Hỏi: Thế nào là thân có sức mạnh

Đáp: Những thân dững mãnh, tráng kiện, nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, có năng lực làm mọi công việc. Đó gọi là sức mạnh của thân.

Hỏi: Thế nào là thân yếu kém?

Đáp: Những thân không dững mãnh, không cường tráng, không nhẹ nhàng, không nhanh nhẹn, không có năng lực làm xong công việc. Đó gọi là thân yếu kém.

Hỏi: Thân mạnh mẽ và thân yếu kém, có bao nhiêu xứ thâm nhiếp? Bao nhiêu thức nhận biết?

Đáp: Một xứ thâm nhiếp, đó là xúc xứ. Hai thức nhận biết là thân thức và ý thức. Như lúc hai lực sĩ giao đấu với nhau, cổ tay vừa giao tiếp, thì nhận biết sức lực mạnh yếu của nhau. Lại như người mạnh nắm lấy kẻ yếu giữ chặt, sự hơn kém của thể lực nhận biết lẫn nhau cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là trạch diệt?

Đáp: Các diệt đều là xa lìa trói buộc.

Hỏi: Thế nào là phi trạch diệt?

Đáp: Các diệt không phải xa lìa trói buộc.

Hỏi: Thế nào là vô thường diệt?

Đáp: Các hành phân tán hư hoại, ẩn mất và giảm sút đó gọi là vô thường diệt.

Hỏi: Phi trạch diệt với vô thường diệt có gì sai biệt?

Đáp: Phi trạch diệt thì không dựa vào sức lựa chọn, giải thoát các loại ma sự- bệnh tật-tai họa-sầu não, thực hành pháp khổ của đời, không phải đối với tham dục mà điều phục đoạn trừ để vượt qua.

Vô thường diệt là các hành phân tán hư hoại, ẩn mất và giảm sút. Đó gọi là sự sai biệt giữa hai thứ diệt.

Như Khế kinh nói: Có hai cõi Niết-bàn, nghĩa là cõi Niết-bàn hữu dư y và cõi Niết-bàn vô dư y.

Hỏi: Thế nào là cõi Niết-bàn hữu dư y?

Đáp: Nếu các lậu của A-la-hán vĩnh viễn không còn, mạng sống còn tồn tại, sắc tạo của đại chúng nối tiếp nhau chưa đoạn. Dựa vào năm căn của thân-tâm chuyển biến tương tục, là còn có chỗ dựa, các kiết vĩnh viễn không còn đạt được xúc chứng, gọi là cõi Niết-bàn hữu dư y.

Hỏi: Thế nào là cội Niết-bàn vô dư y?

Đáp: Tức là các lậu của A-la-hán vĩnh viễn không còn, mạng sống đã diệt, sắc tạo của đại chúng nối tiếp nhau đã đoạn. Dựa vào năm căn của thân-tâm không chuyển biến nữa, là không còn chỗ dựa, các kiết vĩnh viễn không, gọi là cội Niết-bàn vô dư y.

Hỏi: Niết-bàn nên nói là học-vô học, hay phi học phi vô học?

Đáp: Niết-bàn nên nói là phi học phi vô học.

Có thuyết nói: Niết-bàn có học, có vô học, có phi học phi vô học.

Hỏi: Thế nào là học?

Đáp: Học nghĩa là học được các kiết đoạn, đạt được chứng.

Hỏi: Thế nào là vô học?

Đáp: Vô học nghĩa là vô học cần phải đoạn trừ các kiết, đạt được xúc chứng.

Hỏi: Thế nào là phi học phi vô học?

Đáp: Nghĩa là hữu lậu đoạn trừ được các kiết, đạt được xúc chứng.

Hỏi: Ở trong nghĩa này, Niết-bàn chỉ nên nói là phi học phi vô học, nhưng mà ông nói Niết-bàn là có học, có vô học, có phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông thế nào? Trước kia dùng đạo thế tục, vĩnh viễn đoạn trừ được tham dục-giận dữ phi học phi vô học xa lìa được trói buộc nhưng đối với bốn đế, chưa đạt được hiện quán, tu tập hiện quán đạt được hiện quán rồi, chứng quả Bất hoàn, chuyển thành học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông thế nào? Trước kia dùng đạo thế tục, vĩnh viễn đoạn trừ được tham dục-sân hận, phi học phi vô học xa lìa được trói buộc. Về sau, khi chứng quả Bất hoàn, thì xa lìa trói buộc ấy nên chuyển thành học.

Nếu sự xa lìa trói buộc ấy vào lúc này chuyển thành học, thì trước kia phải là thể thường còn của học nên khi chưa chứng quả Bất hoàn, chưa đạt được hữu học, mà đã gọi là học, thì không hợp với chánh lý.

Hỏi: Ý ông thế nào? A-la-hán hướng đến học đoạn trừ các kiết, chứng quả A-la-hán, quả học đó chuyển thành vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông thế nào? A-la-hán hướng đến học đoạn trừ các kiết, khi chứng quả A-la-hán, thì đoạn trừ kiết ấy thuận theo chuyển thành vô học. Nếu đoạn trừ kiết ấy vào lúc này, trở thành vô học, thì trước đó,

phải là thể thường còn của vô học. Khi chưa chứng quả A-la-hán, không đạt được vô học, mà đã gọi là vô học, thì không hợp với chánh lý.

Hỏi: Ý ông thế nào? Các bậc A-la-hán vô học đoạn trừ các kiết, khi giảm sút quả A-la-hán, thì vô học chuyển thành học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông thế nào? Các bậc A-la-hán vô học đoạn trừ các kiết, khi giảm sút quả A-la-hán, thì các bậc A-la-hán vô học đoạn trừ kiết thuận theo chuyển thành học. Nếu đoạn trừ kiết ấy vào lúc này chuyển thành học, thì trước kia phải là thể thường còn của học chưa giảm sút quả A-la-hán, không đạt đến hữu học, mà đã gọi là học thì không hợp với chánh lý.

Lại nữa, Niết-bàn không phải trước là phi học phi vô học; sau chuyển thành học, trước là học, sau chuyển thành vô học; trước là vô học, sau lại chuyển thành học.

Lại nữa, Niết-bàn không phải là có học, có vô học, có phi học phi vô học. Nếu như thế thì trở thành các pháp có hai phần, vì không quyết định cho nên có tạp loạn, thế thì không nên thiết lập tánh-tướng quyết định của các pháp. Đức Phật cũng không thuyết minh Niết-bàn có tánh học, tánh vô học. Bởi vì Niết-bàn luôn luôn là các pháp quyết định phi học phi vô học, không có tạp loạn, luôn luôn trú vào tự tánh, không bỏ tự tánh, Niết-bàn là thường trụ, không có biến dịch. Vì thế, Niết-bàn chỉ nên nói là phi học phi vô học.

Như Khế kinh nêu: A-la-hán thành tựu uẩn giới, uẩn định, uẩn tuệ, uẩn giải thoát, uẩn giải thoát tri kiến vô học.

Hỏi: Thế nào là uẩn giới vô học?

Đáp: Luật nghi của thân, luật nghi của ngữ, mạng thanh tịnh vô học.

Hỏi: Thế nào là uẩn định vô học?

Đáp: Tam-ma-địa vô học, nghĩa là Không-Vô tướng-Vô nguyện.

Hỏi: Thế nào là uẩn tuệ vô học?

Đáp: Trí chánh kiến vô học.

Hỏi: Thế nào là uẩn giải thoát vô học?

Đáp: Tác ý vô học tương ưng với tâm, đã thắng giải, hiện đang thắng giải, sẽ thắng giải.

Hỏi: Thế nào là uẩn giải thoát tri kiến vô học?

Đáp: Tận trí và vô sinh trí.

Hỏi: Uẩn tuệ vô học với uẩn giải thoát tri kiến vô học có gì sai biệt?

Đáp: Khổ-tập trí vô học là uẩn tuệ vô học, diệt-đạo trí vô học là uẩn giải thoát tri kiến vô học. Lại nữa, khổ-tập-diệt trí vô học là uẩn tuệ vô học. Đạo trí vô học là uẩn giải thoát tri kiến vô học. Lại nữa, khổ-tập-đạo trí vô học là uẩn tuệ vô học, diệt trí vô học là uẩn giải thoát tri kiến vô học. Đó gọi là sự sai biệt.

Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Chỉ có một cứu cánh, không có cứu cánh nào khác. Trong này thì pháp nào gọi là cứu cánh?

Đáp: Đức Thế Tôn có lúc đối với đạo thuyết về âm thanh cứu cánh, có lúc đối với đoạn thuyết về âm thanh cứu cánh.

Đối với đạo, thuyết về âm thanh cứu cánh, như Đức Thế Tôn dạy:

*Một hạng người thông minh kiêu mạn,
Không thể nào biết được cứu cánh,
Vì thế người ấy không chứng đạo,
Không khéo léo điều phục mà chết.*

Đối với đoạn thuyết về âm thanh cứu cánh, như Đức Thế Tôn dạy:

*Người đã đạt đến nơi cứu cánh,
Không sợ hãi nghi ngờ hối hận,
Vĩnh viễn rút ra mũi tên Hữu,
Người ấy trú vào thân sau cuối.
Đây chính là cứu cánh bậc nhất,
Dấu tích của tĩnh lặng vô thượng,
Dấu tích của thanh tịnh bất tử,
Bởi vì các tướng đều xóa sạch.*

Lại như Khế kinh nói: Có một Phạm chí, tên Số Mục-liên, đi đến chỗ Phật, thưa hỏi Đức Phật: Kiều-đáp-ma tôn quý đã giáo huấn, truyền trao, răn dạy các Bí-sô v.v... Họ tiếp nhận giáo huấn rồi, đều có khả năng chứng được cõi Niết-bàn cứu cánh cao nhất không? Đức Thế Tôn bảo: Sự việc này không nhất định, cùng loại thì có thể chứng, không cùng loại thì không thể.

Như Khế kinh nói: Phật bảo Bí-sô, có các ngoại đạo mặc dù cùng thiết lập đoạn trừ biết về các thủ, nhưng họ không có khả năng thiết lập đầy đủ, nghĩa là chỉ thiết lập đoạn trừ biết về dục thủ-kiến thủ-giới thủ-phi ngã ngữ thủ.

Sự việc này có nghĩa gì?

Có thuyết nói: Đây là Đức Thế Tôn thuyết pháp một cách tự nhiên, ngoại đạo kia không nên tạo ra thuyết này. Vì sao? Vì Đức Thế

Tôn thuyết pháp, không phải hoàn toàn không có nhân, hoặc chỉ một ít nhân.

Lại có thuyết nói: Lời nói ấy chứng tỏ ngoại đạo kia có đoạn phần ít, họ không nên nói như thế. Vì sao? Vì phàm phu cũng có khả năng đoạn trừ phần ít, vì ngã ngữ thủ. Tuy nhiên, Phật Thế Tôn đã vì các hàng trời-người và vô lượng đại chúng, thuyết giảng rộng về pháp yếu, khai thị không có trái ngược, khiến cho tùy loại đều được hiểu rõ.

Có các ngoại đạo trộm nghe Đức Phật thuyết giảng các tên gọi về uẩn-giới-xứ- cái-niệm trụ, cho đến giác chi, hoặc có đầy đủ, hoặc không đầy đủ.

Các ngoại đạo này nếu có nghe được tên gọi về dục thủ, bèn nói thế này: Ta cũng thiết lập đoạn trừ về dục thủ.

Nếu có người nghe được tên gọi về kiến thủ, liền nói thế này: Ta cũng thiết lập đoạn trừ biết kiến thủ. Nếu có người nghe được tên gọi về giới thủ liền nói thế này: Ta cũng thiết lập đoạn trừ biết về giới thủ. Như nhiều Bí-sô tập họp tại một chỗ, có các ngoại đạo đến nói thế này: Như Kiều-đáp-ma đã vì các đệ tử tuyên thuyết về pháp yếu, nghĩa là nói thế này: Bí-sô các ông nên đoạn trừ năm cái (ngăn che), Năm cái như vậy luôn luôn làm nhiễm ô tâm, khiến cho sức tuệ yếu kém, gây tổn hại phần giác, chướng ngại cho Niết-bàn. Đối với bốn niệm trụ nên khéo trụ tâm, đối với bảy giác chi phải siêng năng tu tập.

Chúng tôi cũng có thể vì các đệ tử nói về pháp yếu này, thì pháp yếu Kiều-đáp-ma đã nói cùng với pháp yếu tôi nói đâu có khác biệt, mà sao các ông chỉ quay về với ông ấy vậy?

Nhưng ngoại đạo kia, hãy còn không thể nào nhận biết về danh, tướng của năm cái, hưởng hồ có khả năng hiểu rõ ràng, trụ vào bốn niệm trụ, tu bảy giác chi? Như vậy vì nghe trộm lời Phật nói, nên đã tạo ra thuyết này; thiết lập đoạn trừ thủ, nên biết cũng như vậy.

Lại, như ngoại đạo Ma-kiền-địa-ca không hiểu rõ thân mình là chỗ tích tập mọi thứ bệnh, sát na không dừng lại, chỉ có khổ-không-vô ngã, đi đến chỗ Phật, vỗ bụng mà nói: Nay thân này của tôi đã không có các bệnh tật, nên biết tức là Niết-bàn cứu cánh.

Ngoại đạo kia hãy còn không biết danh tướng của không có bệnh, hưởng hồ có thể hiểu rõ ràng Niết-bàn cứu cánh. Nhưng vì nghe trộm lời Phật nói, nên đã tạo ra thuyết này, thiết lập đoạn trừ thủ, nên biết cũng như thế.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo chỉ có thiết lập đoạn trừ biết về ba thủ chứ không phải là ngã ngữ thủ?

Đáp: Ngoại đạo kia trong đêm dài sinh tử, chấp có chân thật về ngã và hữu tình, thọ mạng, sinh ra, khả năng nuôi dưỡng, Bồ-đặc-già-la, ngoại đạo kia đã chấp là có chân thật.

Hỏi: Chúng tôi thà rằng thiết lập đoạn trừ ngã ngữ thủ, nói cùng thiết lập đoạn trừ biết về các thủ. Lời nói này có nghĩa gì?

Đáp: Là Phật, Thế Tôn tùy thuận ngôn thuyết của ngoại đạo, như Đức Thế Tôn nói: Các ngoại đạo kia thiết lập thật có hữu tình đoạn hoại. Nhưng dựa vào thắng nghĩa, thì không thật sự có hữu tình, chỉ tùy thuận lời nói của ngoại đạo mà tạo ra thuyết này, nghĩa này cũng như thế, nên không hề có lỗi.

Như Khế kinh nói: Có hai biết khắp đó là trí biết khắp và đoạn biết khắp.

Hỏi: Thế nào là trí biết khắp?

Đáp: Các trí kiến sáng suốt, giác ngộ về hiện quán, đó gọi là Trí biết khắp.

Hỏi: Thế nào là đoạn biết khắp?

Đáp: Các tham vĩnh viễn đoạn trừ, giận-si vĩnh viễn đoạn trừ, hết thủy phiền não vĩnh viễn đoạn trừ, đó gọi là Đoạn biết khắp. Đức Thế Tôn có lúc đối với trí thuyết về âm thanh biết khắp, có lúc đối với đoạn, thuyết về âm thanh biết khắp. Đối với trí thuyết về âm thanh biết khắp, như kệ nói:

*Nho đồng tài đức luôn vắng lặng,
Có thể lợi ích các thế gian,
Có trí luôn luôn biết tất cả,
Tham ái nảy sinh mọi khổ đau.
Có trí lời nói theo việc làm,
Không thực hiện không cần phải nói,
Người trí thuận theo biết tất cả,
Có lời nói mà không tạo tác.*

Đối với đoạn, thuyết về âm thanh biết khắp, như Khế kinh nói: Phật bảo Bí-sô: Ta sẽ vì các ông nói về những pháp biết khắp, tự tánh biết khắp. Có thể biết, là những pháp biết khắp, gọi là năng thủ uẩn. Tự tánh biết khắp, nghĩa là tham vĩnh viễn đoạn, giận-si vĩnh viễn đoạn, tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn.

Có thể biết khắp, nghĩa là bậc A-la-hán, các lậu vĩnh viễn không còn, không chấp Như Lai sau khi mất có những thân vị lai, không thuận theo pháp thọ ký.

Hỏi: Quy y Phật, là quy y chốn nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có tướng, bình đẳng tướng, thiết lập ra ngôn thuyết, gọi là Phật-đà. Quy y hết thủy pháp vô học thành tựu quả vị Bồ đề, gọi là quy y Phật.

Hỏi: Quy y Pháp, là quy y chốn nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có tướng, tướng bình đẳng, thiết lập ra ngôn thuyết, gọi là Đạt ma. Quy y như vậy thì ái tận lìa diệt là Niết-bàn, gọi là quy y Pháp.

Hỏi: Quy y Tăng, là quy y chốn nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có tướng, tướng bình đẳng, thiết lập ra ngôn thuyết, gọi là Tăng già. Quy y tất cả pháp học và vô học trở thành Tăng già ấy, gọi là quy y Tăng.

Phẩm 5: BÀN VỀ VÔ TÂM

*Tâm-hai căn thiện và bất thiện,
Trạo-hối-hôn trâm-thụy miên-mộng,
Cái-vô minh-tùy miên-bất cọng,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Thế nào là vô tâm (Không hổ)?

Đáp: Những loại không có hổ thẹn-không có gì hổ thẹn-không có hổ thẹn gì khác. Không có xấu hổ-không có gì xấu hổ-không có xấu hổ gì khác. Không có kính trọng, không có tánh kính trọng, không có tự tại, không có tánh tự tại. Đối với người tự tại, không chuyển biến sợ hãi. Đó gọi là vô tâm.

Hỏi: Thế nào là vô quý (Không thẹn)?

Đáp: những loại không có xấu hổ không có gì xấu hổ-không có xấu hổ gì khác. Không có nhục nhã-không có gì nhục nhã-không có nhục nhã gì khác. Ở trong các tội, không hề sợ hãi không thấy sợ hãi. Đó gọi là vô quý.

Hỏi: Có sai biệt gì giữa vô tâm và vô quý?

Đáp: Đối với người tự tại, không có chuyển biến sợ hãi, là vô tâm. Ở trong các tội, không cảm thấy sợ hãi là vô quý. Sai biệt là như thế.

Hỏi: Thế nào là tâm?

Đáp: Các thứ có hổ thẹn, có đối tượng được hổ, có hổ khác. Có xấu hổ, có đối tượng được xấu hổ, có xấu hổ khác. Có kính trọng, có tánh kính trọng, có tự tại, có tánh tự tại. Đối với người tự tại, có chuyển biến sợ hãi. Đó gọi là tâm.

Hỏi: Thế nào là quý?

Đáp: Những loại có xấu hổ-có những điều xấu hổ-có xấu hổ khác nhau. Có nhục nhã-có những điều nhục nhã- có nhục nhã khác nhau. Ở trong các tội, có sợ hãi, cảm thấy hết sức sợ hãi. Đó gọi là quý.

Hỏi: Tâm và quý có gì sai biệt?

Đáp: Đối với người tự tại, có chuyển biến sợ hãi là tâm. Ở trong các tội, cảm thấy sợ hãi hết sức, là quý. Sai biệt là như thế.

Hỏi: Thế nào là căn bất thiện tăng thượng?

Đáp: Các căn bất thiện, có thể đoạn trừ căn thiện và khi lìa xa dục nhiễm thì đầu tiên là rời bỏ căn bất thiện.

Hỏi: Thế nào là căn bất thiện cùng hiện hành vi tế?

Đáp: Các căn bất thiện, khi lìa xa dục nhiễm thì rời bỏ sau cùng, bởi vì rời bỏ dục nhiễm cho nên gọi là xa lìa dục nhiễm.

Hỏi: Thế nào là căn thiện tăng thượng của cõi Dục?

Đáp: Khi Bồ-tát nhập chánh tánh ly sinh, là đạt được trí thế tục hiện quán biên của cõi Dục; và khi Như Lai đạt được tận trí, là đạt được căn thiện vô tham, vô sân, vô si của cõi Dục.

Hỏi: Thế nào là căn thiện cùng hiện hành vi tế?

Đáp: Khi đoạn căn thiện, thì rời bỏ sau cùng, bởi vì rời bỏ căn thiện cho nên gọi là đoạn căn thiện.

Hỏi: Các tâm quá khứ thì tâm đó có biến đổi hư hoại chăng?

Đáp: Các tâm quá khứ thì tâm ấy đều biến đổi, hư hoại. Có tâm biến đổi hư hoại mà tâm ấy không phải quá khứ, nghĩa là tâm tương ứng với tham-giận ở hiện tại và vị lai. Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô các ông! Giả như bị giặc oán cửa xẻ thân mình, hoặc các chi tiết nơi thân, các ông ở vào tình trạng đó, tâm chớ biến đổi hư hoại, cũng nên phòng giữ miệng chớ thốt ra lời nói hung dữ. Nếu tâm biến đổi hư hoại và thốt ra lời nói ác, thì đối với điều mình đã mong cầu, sẽ gặp rất nhiều chướng ngại.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô các ông! Ở trong cảnh dục tuyệt vời, không nên khởi tâm biến đổi hư hoại.

Hỏi: Các tâm nhiễm trước thì tâm ấy là biến đổi hư hoại chăng?

Đáp: Các tâm nhiễm trước thì tâm ấy đều biến đổi hư hoại. Có tâm biến đổi hư hoại mà tâm ấy không phải là nhiễm trước, nghĩa là tâm không tương ứng với tham quá khứ, và tâm tương ứng với sân hiện tại-vị lai. Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô các ông! Giả như bị giặc oán... nói rộng cho đến... đối với điều mình đã mong cầu, sẽ gặp rất nhiều chướng ngại.

Hỏi: Thế nào là trạo cử?

Đáp: Các tâm không tĩnh lặng, không dừng lại, khinh suất, dao động, vội vã, tâm ý bồn chồn, tán loạn động. Đó gọi là trạo cử.

Hỏi: Thế nào là ố tác?

Đáp: Các tâm nóng nảy, cháy bỏng, áo não, biến đổi, ghét việc đã làm, tâm theo đuổi, tánh ăn năn. Đó gọi là ố tác.

Hỏi: Các tâm có trạo cử thì tâm ấy tương ứng với ố tác chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có tâm có trạo cử mà không tương ứng với ố tác. Nghĩa là không có tâm ố tác, có tánh hấp tấp vội vàng.

2. Có tâm có ố tác mà không tương ứng với trạo cử. Nghĩa là không có tâm nhiễm ô, có tánh ăn năn, hối tiếc.

3. Có tâm có trạo cử mà cũng tương ứng với ố tác. Nghĩa là tâm

nhiễm ô, có tánh ăn năn hối tiếc.

4. Có tâm không có trạo cử mà cũng không tương ứng với ố tác. Nghĩa là trừ các tướng ở trước.

Hỏi: Thế nào là hôn trầm?

Đáp: Những tánh nặng nề của thân-tâm, thân không điều hòa nhu thuận, tâm không điều hòa, nhu thuận; thân-tâm mục mẫn, rối loạn, phiền muộn; tâm mờ mịt, tánh nặng nề. Đó gọi là hôn trầm.

Hỏi: Thế nào là thụy miên?

Đáp: Các tâm ham ngủ nghỉ mờ mịt yếu đuối mà chuyển đổi, tâm tánh mê muội sơ suất. Đó gọi là thụy miên.

Hỏi: Các tâm có hôn trầm thì tâm đó tương ứng với thụy miên chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có tâm có hôn trầm mà không tương ứng với thụy miên. Nghĩa là không có tâm thụy miên mà có tánh hôn trầm.

2. Có tâm có thụy miên mà không tương ứng với hôn trầm. Nghĩa là không có tâm nhiễm ô mà có tánh thụy miên.

3. Có tâm có hôn trầm mà cũng tương ứng với thụy miên. Nghĩa là tâm nhiễm ô có tánh thụy miên.

4. Có tâm không có hôn trầm mà cũng không tương ứng với thụy miên. Nghĩa là trừ các tướng ở trước.

Hỏi: Thụy miên nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Thụy miên nên nói hoặc là thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là thiện? Nghĩa là tâm thiện nơi thụy miên mờ tối suy yếu mà chuyển, tâm tánh mê muội sơ suất.

Thế nào là bất thiện? Nghĩa là tâm bất thiện nơi thụy miên, mờ tối suy yếu mà chuyển, tâm, tánh mê muội sơ suất.

Thế nào là vô ký? Nghĩa là tâm vô ký nơi thụy miên mờ tối, suy yếu mà chuyển, tâm, tánh mê muội sơ suất.

Hỏi: Trong mộng nên nói là phước tăng trưởng, không phải phước tăng trưởng, hay không phải phước cũng không phải không có phước tăng trưởng?

Đáp: Trong mộng nên nói hoặc là phước tăng trưởng, hoặc không phải phước tăng trưởng, hoặc không phải phước cũng không phải không có phước tăng trưởng.

Thế nào là phước tăng trưởng? Nghĩa là như có bố thí, làm phước, thọ trì trai giới ở trong mộng, hoặc hành động khác, thuận theo một

phước chuyển biến nối tiếp nhau.

Thế nào là không phải phước tăng trưởng? Như trong mộng có hại sinh mạng, không cho mà lấy, vì dục mà tà hạnh, cố tình nói dối, uống các thứ rượu, hoặc phạm vào giới khác, thuận theo một điều không phải phước chuyển biến nối tiếp nhau.

Thế nào là không phải phước cũng không phải không có phước tăng trưởng? Như trong mộng, có điều không phải phước, chẳng phải không có phước chuyển biến nối tiếp nhau.

Hỏi: Mộng gọi cho pháp gì?

Đáp: Đối với lúc thụy miên (ngủ), tâm-tâm sở pháp, chuyển biến theo những pháp đã duyên. Người kia, sau khi thức giấc tùy thuộc vào sự ghi nhớ, có thể nói cho người khác biết mình đã mộng thấy những sự việc như thế, như thế. Đó gọi là mộng.

Như Khế kinh nói: Có năm cái (ngăn che). Thế thì năm Cái thâm tóm các Cái, hay các Cái thâm tóm năm Cái?

Đáp: Các Cái thâm tóm năm Cái chứ không phải năm Cái thâm tóm các Cái.

Hỏi: Không thâm tóm những gì?

Đáp: Nghĩa là Cái vô minh. Như Đức Thế Tôn nói:

*Cái vô minh đã che kín mít,
Kiết ái đã trói buộc mọi nơi,
Ngu và trí đều cảm nhận được,
Như vậy là thân có nhận biết.*

Hỏi: Các Cái thì đó là che phải chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có Cái mà không phải là che lấp. Nghĩa là năm Cái quá khứ-vị lai.

2. Có che lấp mà không phải là Cái. Nghĩa là trừ ra năm Cái, còn lại các phiền não khác hiện ở trước mắt.

3. Có Cái cũng là che lấp. Nghĩa là năm cái tùy thuộc một pháp hiện ở trước mắt.

4. Không phải Cái cũng không phải che lấp. Nghĩa là trừ cái tướng ở trước.

Hỏi: Các tùy miên vô minh hệ thuộc cõi Dục, tất cả tùy miên, vô minh đó đều bất thiện chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh bất thiện đều hệ thuộc cõi Dục. Có tùy miên vô minh hệ thuộc cõi Dục mà không phải bất thiện. Nghĩa là có thân kiến, biên chấp kiến tương ứng với vô minh hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các tùy miên vô minh hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, tất cả tùy miên, vô minh đó đều vô ký chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đều là vô ký. Có tùy miên, vô minh vô ký nhưng không hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, không phải vô ký. Nghĩa là có thân kiến, biên chấp kiến hệ thuộc cõi Dục tương ứng với vô minh.

Hỏi: Các tùy miên vô minh do kiến khổ-tập mà đoạn đều là biến hành chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh biến hành này đều do kiến khổ-tập mà đoạn. Có tùy miên, vô minh do kiến khổ-tập đoạn nhưng không phải là biến hành, nghĩa là pháp do kiến khổ-tập đoạn trừ không phải là biến hành.

Hỏi: Vô minh tương ứng với tùy miên, các tùy miên vô minh do kiến diệt-đạo đoạn, tùy miên vô minh đó đều không phải là biến hành chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh do kiến diệt-đạo mà đoạn đều không phải là biến hành. Có tùy miên, vô minh không phải là biến hành cũng không phải do kiến diệt-đạo mà đoạn, nghĩa là tùy miên tương ứng với vô minh, không phải là biến hành do kiến khổ-tập mà đoạn.

Hỏi: Thế nào là tùy miên vô minh bất cộng?

Đáp: Các vô minh không hiểu rõ về khổ, không hiểu rõ về tập-diệt-đạo.

Hỏi: Thế nào là triền, trạo cử bất cộng?

Đáp: Không có triền, trạo cử bất cộng.

Phẩm 6: BÀN VỀ TƯỚNG

*Ba-ba tướng và khác nhau,
Lão-tử-vô thường-nghiệp lực mạnh,
Ba tướng cùng trong một sát na,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Pháp sắc sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là sắc hay không phải sắc?

Đáp: Nên nói không phải là sắc.

Hỏi: Pháp không phải là sắc sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là sắc hay không phải sắc?

Đáp: Nên nói không phải là sắc.

Hỏi: Pháp có thấy sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là có thấy hay không có thấy?

Đáp: Nên nói là không có thấy.

Hỏi: Pháp không có thấy sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là có thấy, hay không có thấy?

Đáp: Nên nói là không có kiến.

Hỏi: Pháp có đối sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là có đối hay không có đối?

Đáp: Nên nói là không có đối.

Hỏi: Pháp không có đối sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là có đối hay không có đối?

Đáp: Nên nói là không có đối.

Hỏi: Pháp hữu lậu sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Pháp vô lậu sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là vô lậu hay hữu lậu?

Đáp: Nên nói là vô lậu.

Hỏi: Pháp hữu vi sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là hữu vi hay là vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Pháp vô vi sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là vô vi, hay là hữu vi?

Đáp: Nên nói là pháp vô vi, không có sinh-trụ-lão-vô thường.

Hỏi: Pháp quá khứ sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là quá khứ, hay vị lai-hiện tại?

Đáp: Nên nói là quá khứ.

Hỏi: Pháp vị lai sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là vị lai, hay quá khứ-hiện tại?

Đáp: Nên nói là vị lai.

Hỏi: Pháp hiện tại sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là hiện tại, hay quá khứ-vị lai?

Đáp: Nên nói là hiện tại.

Hỏi: Pháp thiện sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là thiện, hay bất thiện-vô ký?

Đáp: Nên nói là thiện.

Hỏi: Pháp bất thiện sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là bất thiện, hay thiện-vô ký?

Đáp: Nên nói là bất thiện.

Hỏi: Pháp vô ký sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là vô ký, hay thiện-bất thiện?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Pháp hệ thuộc cõi Dục sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là hệ thuộc cõi Dục, hay hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc?

Đáp: Nên nói là hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Pháp hệ thuộc cõi Sắc sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là hệ thuộc cõi Sắc, hay hệ thuộc cõi Dục, Vô sắc?

Đáp: Nên nói là hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là hệ thuộc cõi Vô sắc, hay hệ thuộc cõi Dục, Sắc?

Đáp: Nên nói là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Pháp học sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là học hay là vô học-phi học phi vô học?

Đáp: Nên nói là học.

Hỏi: Pháp vô học sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là vô học hay là học-phi học phi vô học?

Đáp: Nên nói là vô học.

Hỏi: Pháp phi học phi vô học sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là phi học phi vô học hay là học-vô học?

Đáp: Nên nói là phi học phi vô học.

Hỏi: Pháp do kiến mà đoạn sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là do kiến đoạn, do tu đoạn hay không đoạn?

Đáp: Nên nói là do kiến đoạn.

Hỏi: Pháp do tu mà đoạn sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là do tu

đoạn, do kiến đoạn hay không đoạn?

Đáp: Nên nói là do tu đoạn.

Hỏi: Pháp không đoạn sinh-trụ-lão-vô thường, nên nói là không đoạn hay tu đoạn kiến đoạn?

Đáp: Nên nói là không đoạn.

Hỏi: Thế nào là lão (già)?

Đáp: Các hành hưởng đến tướng mạo trái với sự biến chuyển của dị thực. Đó gọi là lão (già).

Hỏi: Thế nào là tử (chết)?

Đáp: Tất cả hữu tình từ chúng đồng phần của mình mà đời đổi, hư mất, xả bỏ thọ mạng, mạng căn tàn lụi, diệt bỏ các uẩn, thân tiêu tan. Đó gọi là tử.

Hỏi: Thế nào là vô thường?

Đáp: Các hành tan hoại, sụp đổ, suy tàn, giảm sút. Đó gọi là vô thường.

Hỏi: Tử và vô thường có gì sai biệt?

Đáp: Mọi cái chết là vô thường. Có cái vô thường nhưng không phải là tử, nghĩa là trừ ra tử còn lại các hành diệt.

Hỏi: Lực của nghiệp mạnh hay là lực của vô thường mạnh?

Đáp: Lực của nghiệp mạnh chứ không phải lực của vô thường mạnh.

Có thuyết nói: “Lực của vô thường mạnh chứ không phải lực của nghiệp. Vì sao? Vì nghiệp cũng là vô thường”. Ở trong nghĩa này, lực của nghiệp mạnh chứ không phải lực của vô thường. Vì sao? Vì nghiệp có khả năng tiêu diệt hành của ba đời, còn vô thường chỉ tiêu diệt hành trong hiện tại.

Như Đức Thế Tôn đã nói: Có ba tướng hữu vi của các pháp hữu vi, lúc pháp hữu vi dấy khởi cũng có thể biết rõ về tận và trụ-dị, cũng có thể biết rõ trong một sát na.

Hỏi: Thế nào là khởi?

Đáp: Là sinh.

Hỏi: Thế nào là tận?

Đáp: Là vô thường.

Hỏi: Thế nào là trụ-dị?

Đáp: Là lão.

Phẩm 7: BÀN VỀ NGHĨA VÔ

*Không ý nghĩa-nghĩ đến vô tướng,
Biết pháp luân-các lậu không còn,
Nhiều ham muốn-biết đủ-vừa lòng,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Như Đức Thế Tôn nói:

*Tu những phương pháp khổ hạnh khác,
Nên biết đều không có ý nghĩa,
Không đạt được lợi ích an vui,
Như khua mái chèo thuyền trên đất.*

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói như thế này: Tu những pháp khổ hạnh đều không có ý nghĩa gì cả?

Đáp: Hành kia hưởng tới cái chết, gần cái chết và đến cái chết, không phải là tu khổ hạnh như thế thì có thể vượt lên trên cái cái chết được.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Ngồi kiết già, thân trang nghiêm nguyện chính đáng, trú trong ý niệm trước mặt.

Hỏi: Sao gọi là trú trong ý niệm trước mặt?

Đáp: Người tu hạnh quán, buộc sự nghĩ nhớ giữa chân mày, hoặc quán thi thể bầm đen hoặc quán thi thể sinh trưởng, hoặc quán máu mủ nát rữa, hoặc quán nứt rã hư hoại, hoặc quán màu đỏ khác lạ, hoặc quán bị chim thú ăn thịt, hoặc quán thân hình phân tán rời ra, hoặc quán xương trắng, hoặc quán khung xương còn lại. Những cách quán này gọi là trú trong ý niệm trước mặt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đại Mục-kiền-liên! Phạm thiên Đế-sa không nói về trụ vô tướng thứ sáu ấy chăng?

Hỏi: Sao gọi là trụ vô tướng thứ sáu ấy?

Đáp: Tùy tín hành-tùy pháp hành, gọi là trụ vô tướng thứ sáu. Vì sao? Vì hai pháp này là vô tướng cho nên không thể an lập, không thể nêu bày ở chỗ này hay chỗ khác, hoặc Khổ pháp trí nhãn, hoặc Khổ pháp trí, nói rộng cho đến hoặc Đạo loại trí nhãn, vì vô tướng này không thể an lập, không thể nêu bày ở đây-ở kia, cho nên gọi là trụ vô tướng thứ sáu.

Như Khế kinh nói: “Phật chuyển pháp luân, các Bí-sô như Kiều-trần-na v.v... thấy pháp, các Địa thần, Dược-xoa cất tiếng bày tỏ khắp nơi: Nay, ở vườn nai của Tiên nhân Bà-la-nê-tư, Đức Thế Tôn ba lần chuyển pháp luân, đủ mười hai tướng.

Hỏi: Có phải Địa thần kia có hiểu biết đúng đắn kiến, biết Phật chuyển pháp luân, Bí-sô thấy pháp hay không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Địa thần kia làm sao biết?

Đáp: Vì tin Đức Thế Tôn, tức là Phật khởi tâm thế tục: Ta chuyển pháp luân, Bí-sô thấy pháp. Vì vậy mà biết điều ấy. Hoặc Phật bảo người khác: Ta chuyển pháp luân, Bí-sô thấy pháp. Do đó Địa thần kia đã nghe được. Hoặc từ Đại đức- Thiên tiên mà nghe, hoặc các Tôn giả như Kiều-trần-na kia khởi tâm thế tục: Phật chuyển pháp luân, chúng ta thấy pháp. Vì vậy mà Địa thần kia biết được. Hoặc các vị ấy bảo với người khác, cho nên Địa thần đã nghe được.

Lại như Khế kinh nói: “Có các Bí-sô đạt được A-la-hán, các lậu đã tận, chư Thiên cõi trời Ba Mươi Ba thường vân tập trong Thiên pháp đường, ca ngợi nói rõ ở nơi ấy, hoặc đệ tử kia cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục cà sa, chánh tín xuất gia, siêng tu Thánh đạo, các lậu đã tận, chứng được tâm vô lậu, tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp, có năng lực tự thông đạt, trụ chứng đầy đủ. Lại tự biết rõ: Đời sống của mình đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã hoàn thành, không còn thọ thân đời sau”.

Hỏi: Vì chư Thiên kia có hiểu biết đúng đắn kiến, biết các Bí-sô đạt được A-la-hán, các lậu đã tận chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Làm sao họ biết?

Đáp: Vì tin ở Đức Thế Tôn, tức là Đức Phật khởi tâm thế tục: Các Bí-sô này đạt được A-la-hán, các lậu đã tận. Vì vậy, chư Thiên kia biết. Hoặc là Phật bảo với người khác: Các Bí-sô này đạt được A-la-hán, các lậu đã tận. Vì vậy chư Thiên kia nghe được. Hoặc từ Đại đức-Thiên tiên mà nghe. Hoặc Tôn giả kia đã khởi tâm thế tục: Ta đã sạch hết lậu đạt được quả A-la-hán! Vì vậy, chư Thiên kia biết. Hoặc các vị kia nói với người khác, khiến chư Thiên được nghe.

Như Khế kinh nói: “Ở nước Ma-yết-đà, các quan phụ tá hoặc là hóa pháp điều phục, hoặc là pháp tùy pháp hành”.

Hỏi: Sao các quan kia gọi là hóa pháp điều phục, là pháp tùy pháp hành?

Đáp: Nếu ở trong cõi trời mà thấy pháp, thì gọi là hóa pháp điều phục. Nếu ở cõi người mà thấy pháp thì gọi là pháp tùy pháp hành. Lại nữa, nếu người không vâng giữ giới mà thấy pháp, thì gọi là hóa pháp điều phục. Nếu thọ trì giới mà thấy pháp thì gọi là pháp tùy pháp hành.

Hỏi: Thế nào là nhiều ham muốn?

Đáp: Mọi ham muốn đã ham muốn và đang ham muốn, đó gọi là nhiều ham muốn.

Hỏi: Thế nào là không biết đủ (hỷ túc)?

Đáp: Những điều không vui, không cùng vui, không vui khắp, không ngừng vui, không đáng vui. Đó gọi là không biết đủ.

Hỏi: Nhiều ham muốn và không biết đủ có sai biệt gì?

Đáp: Đối với lúc chưa đạt được sắc-thanh-hương-vị-xúc đáng yêu, áo quần-ăn uống-giường ghế-thuốc thang, và những đồ dùng cung cấp cho cuộc sống, cùng các phương tiện để mong cầu, tìm tòi, đòi hỏi, tư duy, mến mộ. Đó gọi là nhiều ham muốn.

Đối với đồ dùng cung cấp cho cuộc sống, đã được sắc-thanh-hương-vị-xúc đáng yêu, áo quần-ăn uống-giường ghế-thuốc thang, và những đồ dùng cung cấp cho cuộc sống, lại còn hy vọng nữa nhiều dục-ham muốn-ưa thích-mong cầu nhiều hơn. Đó gọi là không biết đủ. Sự sai biệt là như thế.

Hỏi: Thế nào là ít ham muốn?

Đáp: Mọi điều không ham muốn-không ngừng ham muốn-không đáng ham muốn. Đó gọi là ít ham muốn.

Hỏi: Thế nào là biết đủ?

Đáp: Những niềm vui, vui bình đẳng, vui khắp nơi-đã vui và đang vui. Đó gọi là biết đủ.

Hỏi: Ít ham muốn và biết đủ có sai biệt gì?

Đáp: Đối với lúc chưa đạt được sắc-thanh-hương-vị-xúc đáng yêu, áo quần-ăn uống-giường ghế-thuốc thang, và những đồ dùng cung cấp cho cuộc sống, cũng không hy vọng, không mong cầu, không tìm kiếm, không đòi hỏi, không nghĩ cách, không tạo phương tiện. Đó gọi là ít ham muốn.

Đối với lúc đã được có sắc-thanh-hương-vị-xúc đáng yêu, áo quần-ăn uống-giường ghế-thuốc thang, và những đồ dùng cung cấp cho cuộc sống, cũng không tiếp tục hy vọng, không tiếp tục mong muốn, không tiếp tục ưa thích, không tiếp tục theo đuổi. Đó gọi là biết đủ. Sự sai biệt là như thế.

Hỏi: Thế nào là khó thỏa mãn?

Đáp: Những người chú trọng đến ăn uống, ăn nhiều-ăn lắm vẫn không đủ, không phải một ít mà có thể cứu giúp. Đó gọi là khó thỏa mãn.

Hỏi: Thế nào là khó nuôi nấng?

Đáp: Những người ham ăn uống, rất ham ăn uống, ưa nhai nuốt, thích nếm-mút, lựa chọn mà ăn, lựa chọn mà ăn uống, không phải là người có thể cứu giúp. Đó gọi là khó nuôi nấng.

Hỏi: Khó thỏa mãn và khó nuôi nấng có gì sai biệt?

Đáp: Tức là như trước đã nói. Đó gọi là sự sai biệt.

Hỏi: Thế nào là dễ thỏa mãn?

Đáp: Những người không chú trọng đến ăn uống, không tham ăn nhiều, không ăn thô lỗ, ít mà vẫn có thể cứu giúp được. Đó gọi là dễ thỏa mãn.

Hỏi: Thế nào là dễ nuôi nấng?

Đáp: Những người không tham ăn uống, không đắm trong ăn uống, không thích nếm thử, không lựa chọn mà ăn uống tùy thuận, đi đến đâu cũng có thể cứu giúp được. Đó gọi là dễ nuôi nấng.

Hỏi: Dễ thỏa mãn và dễ nuôi nấng có sai biệt gì?

Đáp: Tức là như trước đã nói. Đó gọi là sự sai biệt.

Phẩm 8: BÀN VỀ TƯ

*Tư-tâm-trạo cử đều khác nhau,
Ngu si-hiểu biết-kiêu mạn-hại,
Nhiều hạnh-căn tánh và các tà,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Thế nào là tư?

Đáp: Đối với những điều tư duy-tư duy bình đẳng-tư duy tăng lên, tánh tư duy-chúng loại tư duy, tâm hành ý nghiệp. Đó gọi là tư.

Hỏi: Thế nào là lự?

Đáp: Đối với những điều suy nghĩ-suy nghĩ bình đẳng-suy nghĩ tăng lên, tùy theo mức độ tính toán quán sát. Đó gọi là lự.

Hỏi: Tư và lự có khác biệt gì?

Đáp: Tư là nghiệp, lự là tuệ. Đó gọi là sự sai biệt.

Hỏi: Thế nào là tầm?

Đáp: Những tâm tìm tòi phân biệt biểu hiện rõ ràng, suy tính quán sát phương pháp tạo thành, tánh phân biệt-chúng loại phân biệt. Đó gọi là tầm.

Hỏi: Thế nào là tứ?

Đáp: Những tâm tìm tòi suy xét, vừa hành động vừa chuyển đổi, vừa lưu chuyển vừa tùy thuộc. Đó gọi là tứ.

Hỏi: Tầm và tứ có sai biệt gì?

Đáp: Tánh thô của tâm gọi là tầm, tánh vi tế của tâm gọi là tứ. Đó gọi là sự sai biệt.

Hỏi: Thế nào là trạo cử?

Đáp: Những tâm không vắng lặng, không dừng lại, dao động không ngừng vội vã hấp tấp tâm tán loạn động. Đó gọi là trạo cử.

Hỏi: Thế nào là tâm loạn?

Đáp: Những tâm tán loạn trôi nổi bồng không dừng lại, tánh không phải ở một cảnh. Đó gọi là tâm loạn.

Hỏi: Trạo cử với tâm loạn có sai biệt gì?

Đáp: Tướng không tĩnh lặng gọi là trạo cử, tướng không phải ở một cảnh gọi là tâm loạn. Đó gọi là sự sai biệt.

Hỏi: Thế nào là vô minh?

Đáp: Không có trí nhận thức đối với ba cõi.

Hỏi: Thế nào là không biết đúng?

Đáp: Tuệ bị dẫn dắt theo phi lý.

Hỏi: Ông nói không biết đúng là tuệ bị dẫn dắt phi lý chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Ý ông thế nào? Đối với người có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, họ đều lạc mất ý niệm không hiểu biết đúng đắn mà nói dối chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nhưng ý ông thế nào? Không có biết đúng đắn mà nói dối chẳng?

Đáp: Không phải như thế, nên nghe tôi nói: Nếu nói không hiểu biết đúng đắn là tuệ bị dẫn dắt phi lý thì đối với người có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, đều vì lạc mất ý niệm, không biết đúng đắn mà nên nói dối thì nên nói là không có hiểu biết đúng đắn mà nói dối. Nếu không nói là không có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, thì không nên nói là không hiểu biết đúng đắn là tuệ bị dẫn dắt phi lý. Những người có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, những người ấy đều vì lạc mất ý niệm không biết đúng đắn không hiểu biết đúng đắn mà nói dối.

Dấy lên nói như thế, đều không hợp lý. Nên hỏi vặn về điều ấy. Các vô minh đều tương ứng với hiểu biết đúng đắn chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Ý ông thế nào? Những người có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, đều hướng đến vô minh, bị vô minh ràng buộc, vì lạc mất ý niệm không hiểu biết đúng đắn mà nói dối chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nhưng ý ông thế nào? Không có hiểu biết đúng đắn mà nói dối chẳng?

Đáp: Không phải như vậy. Ông hãy nghe tôi nói: Nếu nói tất cả vô minh đều tương ứng với không hiểu biết đúng đắn, thì những người có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, đều thuộc về vô minh, bị vô minh ràng buộc. Vì lạc mất ý niệm, không hiểu biết đúng đắn, mà nói dối thì nên nói là không có hiểu biết đúng đắn mà nói dối. Nếu không nói là không có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, thì không nên nói là tất cả vô minh đều tương ứng với không hiểu biết đúng đắn. Những người có hiểu biết đúng đắn mà nói dối, thì đều hướng đến vô minh, bị ràng buộc do vô minh, vì lạc mất ý niệm không hiểu biết đúng đắn mà nói dối. Dấy lên nói như thế, cũng không hợp lý.

Hỏi: Thế nào là kiêu?

Đáp: Những tâm lý kiêu hãnh, mê say, rất buồn bực khó chịu, tâm kiêu ngạo buông thả, tự chấp lấy. Đó gọi là kiêu.

Hỏi: Thế nào là mạn?

Đáp: Những tâm lý ngạo mạn-đã ngạo mạn-đang ngạo mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy. Đó gọi là mạn.

Hỏi: Kiêu với mạn có gì sai biệt?

Đáp: Nếu không trái với người khác, mà chấp vào pháp mình, tâm với tướng ngạo nghệ phóng dật, gọi là kiêu. Nếu trái với người khác, tướng cậy thế vào mình, gọi là mạn. Đó gọi là sự sai biệt.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn, ta thấy khổ là khổ, hoặc thấy tập là tập, thì mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có người thân cận bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, do nhân duyên này đạt được đế thuận với pháp nhãn. Khổ hiện quán biên, là đối với khổ nhãn, vui hiểu rõ là khổ. Tập hiện quán biên, là đối với tập nhãn, vui hiểu rõ là tập. Người ấy do nhãn này cho nên tác ý gìn giữ, hoặc do trung gian không tác ý, cho nên kiến nghị không hiện hành. Giả như hiện hành mà không biết thì dấy lên ý niệm này: Ta đối với khổ thấy là khổ, hoặc đối với tập thấy là tập. Do đó khởi mạn, đã mạn và đang mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này chính là duyên khổ, hoặc chính là duyên và tập.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn; ta thấy diệt là diệt, hoặc thấy đạo là đạo, thì mạn này duyên vào chỗ nào?

Đáp: Như có người thân cận bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, do nhân duyên ấy đạt được đế thuận với pháp nhãn. Diệt hiện quán biên, là đối với diệt, nhãn vui hiểu rõ là diệt. Đạo hiện quán biên, là đối với đạo, nhãn vui hiểu rõ là đạo. Người kia do nhãn này, cho nên tác ý gìn giữ, hoặc do trung gian không tác ý cho nên kiến-nghị không hiện hành. Giả như hiện hành mà không biết, liền dấy lên ý niệm này: Ta đối với diệt thấy là diệt, hoặc đối với đạo thấy là đạo. Vì vậy khởi mạn, đã mạn, và đang mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này chính là duyên nơi tâm-tâm sở pháp kia.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn; sự sinh của ta đã hết thì mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có một người dấy lên nghĩ rằng: Đây là đạo, đây là hành, ta dựa vào đạo này, hành này, đã biết tất cả khổ, đã vĩnh viễn đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo, sự sinh của ta đã hết. Vì thế khởi mạn, đã ngạo mạn, và đang ngạo mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này chính là duyên vào sinh.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn; phạm hạnh ta đã lập, thì mạn này duyên vào gì?

Đáp: Như có người dấy lên nghĩ rằng: Đây là đạo, đây là hành, ta

dựa vào đạo này, hành này, đã biết tất cả khổ, đã vĩnh viễn đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo, phạm hạnh ta đã lập. Vì vậy mà khởi mạn, đã ngạo mạn, và đang ngạo mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này chính là duyên vào tâm-tâm sở pháp kia.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn; việc cần làm ta đã làm xong, thì mạn này duyên vào pháp nào?

Đáp: Như có một người dấy lên nghĩ rằng: Đây là đạo, đây là hành, ta dựa vào đạo này, hành này, đã biết tất cả khổ, đã vĩnh viễn đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo. Ta đã đoạn trừ tùy miên, đã dứt mọi phiền não, đã rời bỏ kiết, đã không còn lậu, việc đã làm xong. Vì vậy mà khởi mạn, đã ngạo mạn, và đang ngạo mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này chính là duyên nơi tâm-tâm sở pháp kia.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn, ta không thọ nhận thân sau, thì mạn này duyên vào pháp nào?

Đáp: Như có một người dấy lên nghĩ rằng: Đây là đạo, đây là hành, ta dựa vào đạo này, hành này, đã biết tất cả khổ, đã vĩnh viễn đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo. Sự sinh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc đã làm xong, không thọ nhận thân sau. Vì thế khởi mạn, đã ngạo mạn, và đang ngạo mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này chính là duyên vào hữu.

Hỏi: Thế nào là tự cho thấp kém mà khởi mạn?

Đáp: Như có một người thấy người khác hơn hẳn mình về dòng họ, chủng tánh, của cải, địa vị, tài năng và ruộng vườn v.v... mà dấy lên nghĩ rằng: Người kia hơn ta một ít, ta chỉ thua họ một ít. Nhưng thật sự thua kém người khác nhiều gấp trăm ngàn lần. Vì thế khởi mạn, đã ngạo mạn, và đang ngạo mạn, tâm ý lại và tự chấp lấy. Đó gọi là tự cho thấp kém mà khởi mạn.

Như Khế kinh nói: Nếu dấy khởi tâm dục-tâm giận dữ, tâm hại, hoặc hại mình-hại người khác, hoặc cùng tổn hại.

Hỏi: Thế nào là tâm dục hại mình?

Đáp: Như có một người vì khởi tham nên bị ràng buộc, thân tâm vất vả, thân tâm nung đốt, thân tâm nóng bức, thân tâm cháy bỏng. Lại bởi vì duyên này, cho nên nhận chịu các quả dị thực không ái, không vui, không mừng, không hài lòng trong cõi sinh tử. Tự hại mình là như thế.

Hỏi: Thế nào là tâm dục hại người khác?

Đáp: Như có một người vì khởi tham nên bị ràng buộc ngắm nhìn

vợ người khác, chồng người ta thấy rồi, tâm sinh giận dữ, oán hận buồn rầu. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là tâm dục cả hai tổn cùng hại?

Đáp: Như có một người vì khởi tham nên bị ràng buộc, chiếm đoạt làm nhục vợ người khác, chồng người ta biết rồi bắt trói lại, đánh đập vợ mình và người kia, cả hai đều bị đoạn mạng, hoặc đoạt lấy của báu. Như thế là cả hai cùng tổn hại.

Hỏi: Thế nào là tâm giận dữ tự hại?

Đáp: Có người vì khởi sân giận nên bị ràng buộc, thân tâm vất vả, thân tâm nung đốt, thân tâm nóng bức, thân tâm cháy bỏng. Lại bởi vì duyên này cho nên phải nhận chịu các quả dị thực không ái, không vui, không mừng, không vừa lòng trong cõi sinh tử. Tự hại mình là như thế.

Hỏi: Thế nào là tâm giận dữ hại người khác?

Đáp: Như có một người vì dấy lên sân giận nên bị ràng buộc, làm hại mạng người khác. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là tâm giận dữ cả hai cùng tổn hại?

Đáp: Như có một người vì dấy lên sân giận nên bị ràng buộc làm hại mạng người khác, cũng lại bị người khác làm hại mạng mình. Như thế là cả hai cùng tổn hại.

Hỏi: Thế nào là tâm hại hại mình?

Đáp: Như có một người vì dấy lên sự tổn hại nên bị ràng buộc, thân tâm vất vả, thân tâm nung đốt, thân tâm nóng bức, thân tâm cháy bỏng. Lại bởi vì duyên này cho nên phải nhận chịu các quả dị thực không ái, không vui, không mừng, không vừa lòng trong cõi sinh tử. Hại mình là như thế.

Hỏi: Thế nào là tâm hại làm hại người khác?

Đáp: Như có một người vì dấy lên sự tổn hại nên bị ràng buộc, đánh đập bức hiếp người khác. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là tâm hại cả hai cùng tổn hại?

Đáp: Như có một người vì dấy lên sự tổn hại nên bị ràng buộc, đánh đập bức hiếp người khác, cũng lại bị người khác bức hiếp, đánh đập. Như thế là cả hai cùng tổn hại.

Hỏi: Trí nhiều hay là cảnh nhiều?

Đáp: Cảnh nhiều chứ không phải trí. Vì sao? Vì trí cũng là cảnh.

Hỏi: Trí nhiều hay là thức nhiều?

Đáp: Thức nhiều chứ không phải trí. Vì sao? Vì các trí đều tương ứng với thức, không phải các thức đều tương ứng với trí. Nhấn tương ứng với thức, chứ không tương ứng với trí.

Hỏi: Hạnh hữu lậu nhiều hay hạnh vô lậu nhiều?

Đáp: Hạnh hữu lậu nhiều chứ không phải hạnh vô lậu. Vì sao? Vì hạnh hữu lậu thô tóm mười xứ và phần ít hai xứ, hạnh vô lậu chỉ thô tóm phần ít của hai xứ.

Hỏi: Thế nào là hạnh viên mãn?

Đáp: Thân luật nghi-ngũ luật nghi vô học, mạng thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là hộ viên mãn?

Đáp: Luật nghi của căn vô học.

Hỏi: Thế nào là tánh phạm phu?

Đáp: Nếu đối với pháp Thánh, noãn Thánh, kiến Thánh, nhãn Thánh, dục Thánh, tuệ Thánh, những điều đó không đạt được-đã không đạt được-sẽ không đạt được, đó gọi tánh phạm phu.

Hỏi: Tánh phạm phu này nên nói là thiện-bất thiện, hay là vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Vì sao tánh phạm phu không phải là thiện?

Đáp: Pháp thiện, hoặc do gia hạnh cho nên đạt được, hoặc do duyên khác cho nên đạt được, không thiết lập gia hạnh để mong cầu làm phạm phu. Lại nữa, khi đoạn căn thiện thì pháp thiện đều xả, đạt được tánh chẳng thành tựu của các pháp thiện. Nếu tánh phạm phu là tánh thiện, thì người đoạn căn thiện sẽ không phải là phạm phu.

Hỏi: Vì sao tánh phạm phu không phải là bất thiện?

Đáp: Vì khi xa lìa dục nhiễm thì pháp bất thiện đều bỏ, đạt được tánh chẳng thành tựu của pháp bất thiện. Nếu tánh phạm phu là bất thiện, thì các phạm phu đã lìa dục nhiễm, sẽ không phải là phạm phu.

Hỏi: Tánh phạm phu này nên nói là hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc hay hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao tánh phạm phu không phải chỉ hệ thuộc cõi Dục?

Đáp: Khi mất ở cõi Dục sinh vào cõi Vô sắc, thì pháp của cõi Dục đều bỏ, đạt được tánh chẳng thành tựu của pháp cõi Dục. Nếu tánh phạm phu chỉ hệ thuộc cõi Dục ấy, thì các phạm phu mất ở cõi Dục sinh vào cõi Vô sắc, sẽ không phải là phạm phu.

Hỏi: Vì sao tánh phạm phu không phải chỉ hệ thuộc cõi Sắc?

Đáp: Khi mất ở cõi Sắc sinh cõi Vô sắc, pháp cõi Sắc đều bỏ, đạt được pháp cõi Sắc với tánh chẳng thể thành tựu. Nếu tánh phạm phu chỉ hệ thuộc cõi Sắc, thì các phạm phu mất ở cõi Sắc sinh vào cõi Vô sắc,

sẽ không phải là phạm phu.

Hỏi: Vì sao tánh phạm phu không chỉ hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Nhập chánh tánh ly sinh, trước tiên hiện quán khổ cõi Dục, sau kết hợp hiện quán khổ cõi Sắc-Vô sắc. Thánh đạo dậy khởi trước tiên lo liệu xong sự cõi Dục, sau kết hợp lo liệu xong sự cõi Sắc-Vô sắc. Vì vậy tánh phạm phu không chỉ hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Tánh phạm phu này nên nói là do kiến đoạn, hay là do tu đoạn?

Đáp: Nên nói là do tu đoạn.

Hỏi: Vì sao tánh phạm phu không phải do kiến đoạn?

Đáp: Pháp do kiến đoạn đều nhiễm ô, mà tánh phạm phu không nhiễm ô. Lại, pháp Thế đệ nhất đang diệt, khổ pháp trí nhãn đang sinh. Bấy giờ, bỏ tánh phạm phu của ba cõi, đạt được tánh chẳng thành tựu kia, không phải là vào lúc ấy mà pháp do kiến đoạn có xả bỏ.

Hỏi: Tánh phạm phu gọi là pháp gì?

Đáp: Ba cõi không nhiễm ô, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp tương ứng với tà kiến, pháp đó tương ứng với tà tư duy chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có pháp tương ứng với tà kiến nhưng không phải là tà tư duy. Nghĩa là tà tư duy tương ứng với tà kiến, và tà tư duy khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà kiến.

2. Có pháp tương ứng với tà tư duy nhưng không phải là tà kiến. Nghĩa là tà tư duy tương ứng với tà kiến, và tà kiến còn lại không tương ứng với pháp tương ứng của tà tư duy.

3. Có pháp tương ứng với tà kiến mà cũng là tà tư duy. Nghĩa là trừ ra tà kiến tương ứng với tà tư duy, và trừ ra tà tư duy tương ứng với tà kiến, còn lại các tà kiến và tà tư duy tương ứng với pháp.

4. Có pháp không tương ứng với tà kiến mà cũng không phải là tà tư duy. Nghĩa là tà kiến không tương ứng với tà tư duy, tà tư duy không tương ứng với tà kiến, và còn lại các tâm-tâm sở pháp và sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Các pháp tương ứng với tà kiến, pháp đó tương ứng với tà tinh tiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có pháp tương ứng với tà kiến, nhưng không phải là tà tinh tiến. Nghĩa là tà kiến tương ứng với tà tinh tiến.

2. Có pháp tương ứng với tà tinh tiến nhưng không phải là tà kiến.

Nghĩa là tà kiến và tà kiến khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà tinh tiến.

3. Có pháp tương ứng với tà kiến mà cũng là tà tinh tiến. Nghĩa là trừ ra tà kiến tương ứng với tà tinh tiến, còn lại các pháp tương ứng với tà kiến khác.

4. Có pháp không tương ứng với tà kiến mà cũng không phải là tà tinh tiến. Nghĩa là tà kiến không tương ứng với tà tinh tiến, và còn lại các tâm-tâm sở pháp cùng sắc vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Như dùng tà kiến đối với tà tinh tiến, dùng tà kiến đối với tà niệm- tà định cũng thế. Như dùng tà kiến đối với tà tinh tiến, tà niệm-tà định, dùng tà tư duy đối với tà tinh tiến-tà niệm-tà định cũng thế.

Hỏi: Các pháp tương ứng với tà tinh tiến, pháp đó tương ứng với tà niệm chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có pháp tương ứng với tà tinh tiến mà không phải là tà niệm, gọi là tà niệm.
2. Có pháp tương ứng với tà niệm mà không phải là tà tinh tiến, gọi là tà tinh tiến.
3. Có pháp tương ứng với tà tinh tiến mà cũng phải là tà niệm, nghĩa là pháp tương ứng với tà niệm và tà tinh tiến.

4. Có pháp không tương ứng với tà tinh tiến, cũng không phải là tà niệm. Nghĩa là còn lại các tâm-tâm sở pháp và sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Như dùng tà tinh tiến đối với tà niệm, dùng tà tinh tiến đối với tà định cũng thế. Như dùng tà tinh tiến đối với tà niệm, tà định, dùng tà niệm đối với tà định cũng vậy.

